



PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Tên chất hoặc tên sản phẩm: NATRI SILICATE LỎNG
Ký hiệu tượng hình thể hiện tính nguy hại theo GHS :

Số CAS: 1344 – 09 - 8
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại : Nhóm 8



PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: Thủy tinh lỏng
- Tên thương mại: Sodium Silicate Liquid
- Tên khác (không là tên khoa học): Thủy Tinh Lỏng Natri.

Mã sản phẩm: N01005; N04007; N07.2018; N09.1015; N09020.

Tên nhà sản xuất và địa chỉ:

Công ty TNHH Đức Minh.

Đc: Khu CN Khai Quang, thôn Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Mục đích sử dụng: Là chất phụ gia trong sản xuất xà phòng, gốm sứ, giấy, khai thác mỏ ...

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)
Natri Silicat	1344-09-8	Na ₂ O . nSiO ₂	38 – 43

PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm: nhóm 8, hóa chất có tính ăn mòn, gây kích ứng cho da và mắt. Có độc tính với môi trường thủy sinh.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Sản phẩm này có thể gây khó chịu nhẹ khi tiếp xúc với các bộ phận của cơ thể, tránh tiếp xúc với Da và Mắt, mặc quần áo bảo hộ, đeo găng tay khi làm việc với sản phẩm này.

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Không tiếp xúc trực tiếp, tránh bắn vào mắt, khi sử dụng phải dùng găng tay cao su, ủng, khẩu trang, mắt kính. Nếu bị dính vào tay thì phải rửa liên tục bằng nước sạch, trường hợp bị dây vào mắt thì phải rửa liên tục bằng nước sạch ít nhất 5 phút, rồi đưa đến cơ sở chuyên khoa mắt để trị tiếp.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Sẽ có hiện tượng bỏng rát, mẩn đỏ, chảy nước mắt kéo dài. Các triệu chứng khác như sưng mí mắt, mờ tầm nhìn cũng có thể xảy ra.

- Đường thở: Sẽ có hiện tượng hắt hơi gây đau mũi và khí quản, sổ mũi liên tục, nếu hít phải lượng lớn sẽ gây tức ngực khó thở.

- Đường da: Khi dính vào da sẽ thấy có hiện tượng trơn nhờn, ngứa và đỏ da, nếu tiếp xúc lâu sẽ thấy hiện tượng khô da, sẽ bị bong lớp da sừng ở ngoài gây cảm giác khó chịu.

- Đường tiêu hóa: Khi tiếp xúc sẽ kích ứng mạnh lên niêm mạc của hệ thống tiêu hóa, gây cảm giác bỏng rát, nôn mửa rất nguy hiểm gây tổn thương nghiêm trọng đến niêm mạc miệng, thực quản, dạ dày.

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Lập tức rửa liên tục bằng nước sạch ít nhất 15 phút rồi đưa ngay đến cơ sở y tế có chuyên khoa mắt để điều trị tiếp.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Rửa liên tục bằng nước sạch có thể dùng nước phèn chua, chanh để rửa sẽ có hiệu quả tốt hơn.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: Nhanh chóng ra khu vực thoáng mát, quan sát cho đến khi phục hồi. Nếu kích ứng trở nên đau đớn hoặc vẫn tồn tại nhiều hơn 30 phút thì tìm tư vấn y tế, hoặc đưa đến cơ sở y tế gần nhất.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Không được gây nôn vì những cơ bóp có thể gây sặc ảnh hưởng đến hệ hô hấp và gây tổn thương nặng hơn cho thực quản, lập tức rửa miệng và cho uống thật nhiều nước sạch, rồi đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Tuyệt đối không được rửa mắt bằng nước bẩn hoặc nước nóng hoặc nước có độ pH cao như nước vôi trong... đối với trường hợp nuốt nhầm bị nặng đến ngất xỉu phải cân nhắc khi đưa bất kỳ thứ gì vào miệng của nạn nhân vì khi đó thực quản, dạ dày và miệng đã bị tổn thương nghiêm trọng.

PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không cháy.
- Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Không phù hợp.**
- Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không phù hợp.
- Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Không phù hợp.**
- Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Không phù hợp.**
- Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Không phù hợp.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

- Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:** Có thể dùng xô, thùng nhựa để hứng.
- Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng:** Dùng cát, đất bao quanh rồi dùng các dụng cụ xô, thùng tát vét thu hồi. Sau đó dùng dung dịch nước phèn chua loãng để rửa, tiếp đến rửa nước cho sạch.

PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm :** Tránh bị tiếp xúc trực tiếp với da, niêm mạc. Trong quá trình sử dụng cần dùng đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động như kính mắt, găng tay cao su, khẩu trang.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :** Để nơi khô ráo, đậy nắp, tránh tiếp xúc trực tiếp với mưa gió.

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

- Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Thông gió tốt nơi bảo quản và sử dụng, sử dụng đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân.
- Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ.
 - Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ.
 - Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay cao su.
 - Bảo vệ chân: Sử dụng ủng cao su.
- Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:**
Sử dụng đầy đủ mũ, áo mưa, ủng cao su, găng tay cao su, kính bảo hộ che toàn bộ mặt.
- Các biện pháp vệ sinh :** Tắm, rửa bằng nước sạch.

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Chất lỏng, nhớt.	Điểm sôi (°C): 105
Màu sắc: Trắng xanh hoặc ngà vàng.	Điểm nóng chảy (°C) : Không phù hợp.
Mùi đặc trưng : Hắc đặc trưng.	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) : Không phù hợp.
Áp suất hóa hơi : Không phù hợp.	Nhiệt độ tự cháy (°C) : Không phù hợp.
Tỷ trọng : Không phù hợp.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên : Không phù hợp.
Độ hòa tan trong nước: Không phù hợp.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới : Không phù hợp.
Độ PH: pH > 10	Tỷ lệ hoá hơi: Không phù hợp.
Khối lượng riêng (kg/m ³): Không phù hợp.	Các tính chất khác nếu có: Không.

PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

- Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Bền với nhiệt độ, không có khả năng phân hủy
- Khả năng phản ứng:**
 - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không tự phân hủy.
 - Các phản ứng nguy hiểm: Có thể phản ứng với các kim loại kiềm, kim loại lưỡng tính và hợp kim của chúng giải phóng khí cháy Hydro.
 - Các chất không bảo quản chung...: Kim loại kiềm, kim loại lưỡng tính và hợp kim của chúng.
 - **Phản ứng trùng hợp:** Không phù hợp.

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Na₂O.nSiO₂	Nồng độ tối đa cho phép (4460 mg/kg)	Gây kích ứng	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): Không phù hợp

2. Các ảnh hưởng độc khác: kích ứng da, niêm mạc.

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Na₂O.nSiO₂	Hầu hết các sinh vật	Ngay sau khi tiếp xúc trực tiếp	Kích ứng, chết cá nếu nồng độ > 50g/l

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Không có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: Không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không phù hợp.
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không phù hợp.

PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT


1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Theo thông tư 34/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường ngày 04/10/2017 quy định về thu hồi, xử lý, sản phẩm thải bỏ.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : Không có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: Tham khảo nội dung chương IV của nghị định 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/04/2015 về quản lý chất thải và phế liệu.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Tùy vào hình thức mà đơn vị xử lý chất thải áp dụng

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Nghị định số 144/2018/NĐ-CP, 16/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/2009/NĐ-CP 19/10/2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 89/2011/NĐ-CP 10/10/2011 của Chính phủ	1719	Nội địa, đường bộ nội địa	Nhóm 8	Thùng phi 200lit, 1000lit, xe bồn chuyên dụng		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới :** Không có thông tin.
- 2. Phân loại nguy hiểm GHS:** Nhóm 8, cảnh báo ăn mòn nguy hiểm.

PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: Ngày 02 tháng 01 năm 2016

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất: ngày 10 tháng 4 năm 2020

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung lần thứ hai: ngày 20 tháng 01 năm 2021

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **Công ty TNHH Đức Minh**

Giám đốc Công ty TNHH Đức Minh

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.